

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22830103] - Thực tập lắp đặt cấp
và thoát nước dân dụng (CCQ2105A,B)

CBGD: Trần Thiện Tường (280026)

Số SV có mặt: 23.

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2121050043	Châu Quốc Khánh	02/09/2003	CCQ2105B		<i>Khánh</i>	6,5	6,5	6,5
2	2121050061	Nguyễn Huỳnh Đăng Khánh	05/12/2003	CCQ2105B		<i>Khánh</i>	7,5	7,5	7,5
3	2122050029	Lương Duy Khoa	11/06/2003	CCQ2205A		<i>Khoa</i>	7,0	7,0	7,0
4	2121050062	Nguyễn Tự Lập	10/08/2003	CCQ2105B		<i>Lập</i>	6,0	7,0	6,6
5	2121050056	Nguyễn Hoài Linh	09/07/2003	CCQ2105B		<i>Linh</i>	7,0	7,5	7,3
6	2121050047	Trương Thành Linh	27/05/2000	CCQ2105B		<i>Linh</i>	8,0	7,5	7,7
7	2121050065	Trịnh Văn Minh	17/10/2003	CCQ2105B		<i>Minh</i>	7,3	7,0	7,1
8	2121050036	Lê Thanh Nam	19/05/2003	CCQ2105B					
9	2121050076	Nguyễn Hoài Nam	10/07/2003	CCQ2105B		<i>Nam</i>	6,5	6,5	6,5
10	2121050063	Đỗ Duy Ngọc	14/11/2003	CCQ2105B		<i>Ngọc</i>	7,5	7,0	7,2
11	2121050039	Đặng Đức Phú	07/07/2003	CCQ2105B		<i>Phú</i>	8,0	7,0	7,4
12	2121050064	Nguyễn Thanh Phương	23/04/2003	CCQ2105B		<i>Phương</i>	7,5	7,0	7,2
13	2121050066	Đoàn Ngọc Quế	29/09/2003	CCQ2105B		<i>Quế</i>	8,0	7,5	7,7
14	2121050060	Lê Văn Quyết	02/01/2003	CCQ2105B		<i>Quyết</i>	7,0	7,5	7,3
15	2121050044	Từ Tịnh Tâm	31/05/2003	CCQ2105B		<i>Tâm</i>	7,5	7,0	7,2
16	2121050054	Đàng Đức Tân	17/06/2003	CCQ2105B		<i>Tân</i>	7,5	7,5	7,5
17	2121050059	Phạm Quang Thắng	15/04/2002	CCQ2105B		<i>Thắng</i>	8,0	7,5	7,7
18	2121050052	Lê Minh Thuận	13/02/2003	CCQ2105B		<i>Thuận</i>	7,5	7,5	7,5
19	2122050019	Nguyễn Văn Minh Thuận	12/03/2004	CCQ2205A		<i>Thuận</i>	6,0	7,0	6,6
20	2122050021	Phạm Văn Thiện Thuật	19/01/2001	CCQ2205A		<i>Thuật</i>	6,0	7,0	6,6
21	2122050035	Đào Phú Minh Trịnh	11/04/2004	CCQ2205A		<i>Trịnh</i>	7,0	7,0	7,0
22	2121050048	Trần Trung Trực	01/10/2002	CCQ2105B		<i>Trực</i>	6,5	6,5	6,5
23	2121050053	Huỳnh Nguyễn Tấn Trung	30/01/2002	CCQ2105B		<i>Trung</i>	7,5	7,0	7,2
24	2122050039	Lê Văn Tường	01/04/2004	CCQ2205B		<i>Tường</i>	6,5	7,0	6,8

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22830101] - Thực tập lắp đặt cấp
và thoát nước dân dụng (CCQ2105A,B)

CBGD: Đào Thanh Tâm (280037)

Số SV có mặt: 2.1...

Số bài thi:2.1...

Số tờ giấy thi: ...2.1...

(Chữ ký và đóng dấu của các cán bộ coi thi và giáo viên chấm thi)

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2121050001	Phạm Quốc	Anh	03/02/2003	CCQ2105A		<i>Anh</i>	7,0	7,5	7,3
2	2121050077	Bùi Xuân	Chiến	25/09/2003	CCQ2105A		<i>Chiến</i>	7,0	7,0	7,0
3	2121050027	Đoàn Huỳnh Hữu	Chương	29/03/2003	CCQ2105A		<i>Chương</i>	5,0	6,0	5,8
4	2121050002	Nguyễn Thành	Đạt	25/06/2003	CCQ2105A		<i>Đạt</i>	6,0	7,0	6,6
5	2121050031	Nguyễn Văn Thành	Đạt	17/07/2003	CCQ2105A		<i>Đạt</i>	6,5	7,5	7,1
6	2121050004	Lâm Thanh	Hiền	21/09/2003	CCQ2105A		<i>Hiền</i>	7,5	8,5	8,1
7	2120050007	Trần Mậu	Hòa	01/09/2002	CCQ2005A		<i>Hòa</i>	7,0	7,0	7,0
8	2119050042	Lê Khắc	Hoan	10/03/2001	CCQ1905B		<i>Hoan</i>	6,5	7,0	6,8
9	2121050019	Võ Ngọc	Huy	06/02/2003	CCQ2105A		<i>Huy</i>	6,0	7,5	6,9
10	2121050013	Nguyễn Ngọc	Kha	21/11/2003	CCQ2105A		<i>Kha</i>	6,0	6,5	6,3
11	2121050034	Nguyễn Việt	Khang	23/09/2003	CCQ2105A		<i>Khang</i>	6,0	7,5	6,9
12	2121050022	Lâm Tuấn	Kiệt	14/08/2002	CCQ2105A		<i>Kiệt</i>	7,0	7,0	7,0
13	2121050005	Phan Phi	Long	29/10/2000	CCQ2105A		<i>Long</i>	7,0	8,0	7,6
14	2119050017	Lê Trọng	Nghĩa	21/01/2001	CCQ1905A		<i>Nghĩa</i>	7,0	8,0	7,6
15	2121050007	Trần Phương	Nhật	07/07/2003	CCQ2105A		<i>Nhật</i>	7,5	7,0	7,2
16	2121050008	Nguyễn Tấn	Phát	19/09/2003	CCQ2105A		<i>Phát</i>	8,0	8,0	8,0
17	2121050009	Nguyễn Trung	Phi	18/03/2003	CCQ2105A		<i>Phi</i>	7,0	8,5	7,9
18	2121060026	Nguyễn Xuân	Phú	10/08/2003	CCQ2105A		<i>Phú</i>	6,0	7,0	6,6
19	2121050010	Đỗ Hoàng	Phước	16/01/2003	CCQ2105A		<i>Phước</i>	6,5	7,5	7,1
20	2121050011	Phan Trần Trung	Tâm	15/12/2003	CCQ2105A					
21	2121050012	Nguyễn Công	Thành	25/08/2003	CCQ2105A		<i>Thành</i>	7,0	7,0	7,0
22	2119050065	Trần Văn	Tuấn	15/11/2001	CCQ1905B		<i>Tuấn</i>	8,0	8,0	8,0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22830102] - Thực tập lắp đặt cấp
và thoát nước dân dụng (CCQ2105A,B)

CBGD: Đào Thanh Tâm (280037)

Số SV có mặt: 22...

Số bài thi:22..

Số tờ giấy thi: ...22

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2121050058	Phạm Tiến	Cường	21/01/2003	CCQ2105B			6,0	5,5	5,7
2	2122050008	Lưu Bá	Đông	27/07/1998	CCQ2205A			7,0	7,0	7,0
3	2121050041	Nguyễn	Đức	20/04/2003	CCQ2105B			6,0	6,5	6,3
4	2121050071	Phan Minh	Đức	27/05/2003	CCQ2105B			7,5	7,0	7,2
5	2121050057	Hòa Ngọc	Hải	22/02/2002	CCQ2105B			6,0	6,5	6,3
6	2121050049	Đào Tấn	Hiển	27/09/2003	CCQ2105B			6,0	6,5	6,3
7	2121050078	Nguyễn Trung	Hiếu	17/11/2002	CCQ2105B			6,0	6,5	6,3
8	2121050038	Nguyễn Hoàng	Hy	13/07/2003	CCQ2105B			6,0	7,0	6,8
9	2121050042	Hứa Hoàng	Khang	16/12/2003	CCQ2105B			7,0	7,5	7,3
10	2120050115	Trương Duy	Khánh	13/06/2002	CCQ2005D			6,0	6,0	6,0
11	2122050071	Nguyễn Công	Lập	02/09/2004	CCQ2205C			7,0	6,5	6,7
12	2122050076	Lương Văn	Nhân	20/02/2004	CCQ2205C			6,0	5,5	5,7
13	2121050021	Trần Quang	Phú	02/03/2002	CCQ2105A					
14	2121050028	Nguyễn Sỹ	Thiện	13/02/2002	CCQ2105A			6,5	6,0	6,2
15	2121050026	Phạm Minh	Thông	03/10/2003	CCQ2105A			6,0	6,0	6,0
16	2121050014	Lê Minh	Thuận	13/09/2003	CCQ2105A			7,0	7,5	7,3
17	2121050015	Nguyễn Minh	Tiến	18/06/2003	CCQ2105A			7,0	7,0	7,0
18	2121050075	Lê Đông	Triều	27/12/2003	CCQ2105A			7,5	7,0	7,2
19	2121050016	Trương Thanh	Triều	06/10/2001	CCQ2105A			7,5	7,0	7,2
20	2121050029	Võ Thành	Tuân	17/11/2003	CCQ2105A			6,5	6,5	6,5
21	2121050020	Phạm Minh	Tuấn	16/10/2001	CCQ2105A			7,5	7,5	7,5
22	2121050017	Lê Hồng	Việt	27/09/2003	CCQ2105A			7,0	7,0	7,0
23	2121050024	Hồ Thanh	Xuân	25/01/2003	CCQ2105A			6,0	6,5	6,3